

PHẬT GIÁO THÁI LAN TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI: VAI TRÒ CỦA TĂNG ĐOÀN TRONG CẢI CÁCH XÃ HỘI DƯỚI THỜI RAMA IV VÀ RAMA V

Thailand Buddhism from traditional to modernity: The role of Buddhist Sangha in social reforms under Rama IV and Rama V

PHẠM QUỐC TRUNG*
LƯU HOÀNG LÊ THẢO**

Ngày nhận bài: 21/8/2025; Ngày gửi phản biện: 03/9/2025; Ngày duyệt đăng: 17/9/2025

Bài viết phân tích vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong tiến trình cải cách xã hội và hiện đại hóa Thái Lan dưới thời Rama IV và Rama V. Trước áp lực của thực dân phương Tây, Phật giáo không chỉ là đối tượng cải cách mà còn trở thành công cụ xã hội quan trọng giúp củng cố vương quyền và bảo vệ bản sắc dân tộc. Rama IV, với 27 năm tu hành, đã sáng lập phái Dhammayutika Nikaya nhằm chuẩn hóa giới luật, nâng cao học thuật và loại bỏ mê tín, qua đó hình thành một Tăng đoàn kỷ luật, thích ứng với yêu cầu đổi mới. Kế thừa, Rama V ban hành Luật Tăng đoàn 1902, đưa Tăng đoàn vào khuôn khổ quản lý nhà nước, phát triển giáo dục Phật học, phổ biến chữ Thái và Pali, góp phần nâng cao dân trí. Nhờ vậy, Tăng đoàn vừa duy trì giá trị truyền thống, vừa đồng hành cùng nhà nước trong cải cách xã hội, trở thành lực lượng quyền lực mềm hỗ trợ tiến trình hiện đại hóa và bảo vệ độc lập quốc gia.

Từ khóa: Cải cách xã hội, hiện đại hóa, Phật giáo Thái Lan, Tăng đoàn.

The paper analyzes the role of the Buddhist Sangha in the process of social reform and modernization of Thailand under Rama IV and Rama V. Facing Western colonial pressure, Buddhism was not only the subject of reform but also became an important social instrument that reinforced royal authority and safeguarded national identity. Rama IV, with 27 years of monastic life, founded the Dhammayutika Nikaya to standardize the Vinaya, enhance scholarship, and eliminate superstition, thereby shaping a disciplined Sangha capable of adapting to reform requirements. Building on this foundation, Rama V promulgated the Sangha Act of 1902, placing the Sangha under state administration, developing Buddhist education, and promoting the use of Thai and Pali scripts, which contributed to raising public literacy. As a result, the Sangha both

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Tác giả liên hệ; Email: Pqtrung@dhsphue.edu.vn

** Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

preserved traditional values and accompanied the state in social reforms, becoming a soft power force that supported modernization and the defense of national independence.

Keywords: Social reform, modernization, Thai Buddhism, Sangha.

1. Giới thiệu

Trong tiến trình hiện đại hóa của các quốc gia Đông Nam Á vào thế kỷ XIX, Thái Lan đã trở thành một trường hợp đặc biệt khi duy trì được độc lập trước sự bành trướng của thực dân phương Tây nhờ những cải cách toàn diện trong nhiều lĩnh vực, từ hành chính, quân sự, kinh tế cho đến xã hội. Trong bối cảnh đó, Phật giáo, với vai trò là quốc giáo và là nền tảng tinh thần của người dân Thái Lan, không nằm ngoài dòng chảy cải cách và đã trở thành một phần quan trọng trong công cuộc hiện đại hóa đất nước dưới thời Vương triều Chakri. Nếu trước thế kỷ XIX, Tăng đoàn Phật giáo Thái Lan tồn tại gắn với làng xã, ít chịu sự kiểm soát của nhà nước trung ương, đóng vai trò duy trì nghi lễ, giáo dục cơ bản và đời sống tinh thần cho cộng đồng, thì bước sang thời kỳ Rama IV (Mongkut) và Rama V (Chulalongkorn), vị trí và vai trò của Tăng đoàn đã thay đổi đáng kể. Từ nhu cầu hiện đại hóa đất nước nhằm bảo vệ chủ quyền và củng cố quyền lực trung ương, hoàng gia Thái Lan đã nhìn nhận Tăng đoàn không chỉ là một đối tượng cần cải cách, mà còn là một công cụ mềm có thể hỗ trợ tích cực trong việc ổn định xã hội, củng cố tính chính danh của vương quyền và duy trì bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh áp lực phương Tây gia tăng. Rama IV, với kinh nghiệm 27 năm tu hành, thành lập phái Dhammayutika Nikaya đã mở ra một bước ngoặt quan trọng, đặt nền tảng cho việc chuẩn hóa giới luật, nâng cao tiêu chuẩn học thuật và loại bỏ những tập tục mê tín, từ đó tạo nên một Tăng đoàn kỷ luật hơn, phù hợp với nhu cầu xã hội đang thay đổi. Tiếp nối, Rama V đã ban hành Luật Tăng đoàn năm 1902, chính thức đưa Tăng đoàn vào khuôn khổ quản lý nhà nước, đồng thời cải cách giáo dục Phật giáo thông qua việc thành lập các trường Phật học, đưa chữ quốc ngữ và Pali vào chương trình giảng dạy, từng bước nâng cao dân trí và hỗ trợ cải cách xã hội. Trong tiến trình này, Phật giáo Thái Lan đã dần chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình hiện đại, vừa giữ được những giá trị cốt lõi của giáo lý và bản sắc dân tộc, vừa phục vụ hiệu quả cho tiến trình quốc gia hóa và hiện đại hóa đất nước.

Nghiên cứu vai trò của Tăng đoàn trong cải cách xã hội dưới thời Rama IV - V không chỉ giúp hiểu rõ hơn về sự chuyển đổi của Phật giáo Thái Lan từ truyền thống đến hiện đại, mà còn góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước trong quá trình hiện đại hóa tại các quốc gia Phật giáo Đông Nam Á.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận liên ngành lịch sử, xã hội học tôn giáo và nghiên cứu Phật giáo, đặt trong khung phân tích quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo trong tiến trình hiện đại hóa Đông Nam Á. Về lý thuyết, nghiên cứu kế thừa quan điểm của Craig J. Reynolds và Ishii Yoneo về việc Thái Lan sử dụng Phật giáo như công cụ quyền lực mềm nhằm củng cố chính danh

và ổn định xã hội trước sức ép thực dân. Lý thuyết hiện đại hóa chọn lọc (selective modernization) được áp dụng để lý giải việc Thái Lan vừa cải cách, chuẩn hóa Phật giáo theo hướng hiện đại, vừa bảo tồn giá trị truyền thống nhằm duy trì bản sắc dân tộc.

Về phương pháp, bài viết kết hợp phân tích lịch sử, xã hội học và so sánh, dựa trên tư liệu thứ cấp, Luật Tăng đoàn 1902, sắc lệnh Rama IV - V, văn bia và thư tịch Phật giáo thế kỷ XIX - XX. Dữ liệu được xử lý bằng phân tích nội dung các nguồn tài liệu thứ cấp, đặc biệt các công trình của Ishii Yoneo, Wyatt, Reynolds, Keyes và nghiên cứu về Tăng đoàn Dhammayutika Nikaya.

3. Quá trình chuyển đổi từ Phật giáo truyền thống đến Phật giáo hiện đại dưới thời Rama IV và Rama V

3.1. Bối cảnh lịch sử và nhu cầu cải cách

Vào nửa đầu thế kỷ XIX, Xiêm (Thái Lan ngày nay) đứng trước những thách thức nghiêm trọng khi các cường quốc phương Tây mở rộng ảnh hưởng tại Đông Nam Á, đặt Thái Lan vào vị thế phải cải cách để bảo vệ độc lập quốc gia (Wyatt, 2003, p.152). Trong bối cảnh tình hình đầy biến động đó, vương triều Chakri, đặc biệt là dưới sự trị vì của vua Rama IV (Mongkut), đã nhận thức một cách sâu sắc rằng việc không cải cách, hiện đại hóa hệ thống quản lý nhà nước và củng cố quyền lực trung ương sẽ đặt Thái Lan vào nguy cơ lớn bị các cường quốc phương Tây xâm chiếm, biến thành thuộc địa.

Trước khi chính thức kế vị ngai vàng, vua Rama IV đã dành 27 năm sống trong đời tu hành, qua đó ông tích lũy được sự hiểu biết toàn diện về đời sống tinh thần của Tăng đoàn. Nhờ trải nghiệm này, ông nhận ra những thách thức nghiêm trọng mà Phật giáo đang đối mặt. Hệ thống của Tăng đoàn lúc bấy giờ còn vô cùng rời rạc, thiếu sự thống nhất trong các giới luật quan trọng, tồn tại nhiều phong tục mê tín gây ảnh hưởng tiêu cực, đồng thời cho thấy sự bất lực trong thích nghi với những biến đổi sâu sắc và nhanh chóng của xã hội. Những nhận định này đã góp phần hình thành trong ông quyết tâm cải cách mạnh mẽ để xây dựng một nền tảng Phật giáo vững chắc hơn phù hợp với thời đại mới (Ishii, 1986, p.88). Trong khi đó, sự gia tăng ảnh hưởng của các nhà truyền giáo phương Tây kèm theo các mô hình giáo dục hiện đại đặt ra yêu cầu nâng cao vai trò Phật giáo để duy trì tính chính danh cho hoàng gia và củng cố nền tảng xã hội.

Rama IV sáng lập phái Dhammayutika Nikaya nhằm chuẩn hóa giới luật, loại bỏ tập tục mê tín và thúc đẩy nghiên cứu Pali, qua đó xây dựng hình mẫu tăng sĩ kỷ luật, trí thức, thích ứng với xã hội đang đổi thay (Tambiah, 1976, p.117). Cải cách này không chỉ khẳng định vai trò hộ pháp của nhà vua mà còn đặt nền tảng cho tiến trình hiện đại hóa gắn với bảo tồn bản sắc dân tộc (Reynolds, 2005, p.29). Kế thừa tư tưởng đó, Rama V tiến hành cải cách hành chính, quân sự, giáo dục, đưa Phật giáo thành trụ cột ổn định xã hội và công cụ quản lý quốc gia. Luật Tăng đoàn 1902 đánh dấu bước ngoặt khi chính thức đặt Tăng đoàn dưới sự quản lý nhà nước, gắn Phật học với hệ thống trường học

quốc gia, đồng thời hạn chế ảnh hưởng phương Tây bằng cách củng cố niềm tin dân chúng vào Phật giáo và vương quyền (Ishii, 1986, p.112).

Bối cảnh lịch sử này đã nhấn mạnh tính cấp bách của việc cải cách Phật giáo ở Thái Lan, không chỉ xuất phát từ các yếu tố nội tại của tôn giáo mà còn gắn liền với mục tiêu bảo vệ độc lập dân tộc, thúc đẩy hiện đại hóa đất nước, củng cố quyền lực của vương triều Chakri, và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong một thời kỳ cạnh tranh khốc liệt với thực dân phương Tây. Từ đây, Tầng đoàn Phật giáo được định hướng lại một cách hệ thống, trở thành lực lượng đồng hành với nhà nước trong việc thúc đẩy cải cách xã hội, hiện đại hóa quốc gia và giữ vững nền tự chủ dân tộc.

3.2. Vai trò của Rama IV

Trong lịch sử Thái Lan, Rama IV (Mongkut, trị vì 1851 - 1868) được xem là nhân vật tiên phong trong việc khởi xướng tiến trình hiện đại hóa quốc gia thông qua việc cải cách Phật giáo, đặt nền móng cho sự kết hợp giữa quyền lực thế tục và tôn giáo nhằm bảo vệ nền độc lập trong bối cảnh áp lực thực dân phương Tây ngày càng gia tăng. Trước khi lên ngôi, Mongkut đã có 27 năm tu hành, điều này không chỉ giúp ông am hiểu giáo lý, cấu trúc và những vấn đề nội tại của Tầng đoàn, mà còn tạo điều kiện để ông quan sát những biến đổi trong khu vực, nhận ra sự cần thiết của việc hiện đại hóa Phật giáo để phục vụ tiến trình củng cố quốc gia (Baker & Phongpaichit, 2014, p.107).

Trước triều đại Rama IV, Phật giáo Thái Lan rơi vào tình trạng phân tán, giới luật bị buông lỏng, khiến uy tín Tầng đoàn suy giảm và niềm tin công chúng lung lay (Skilling, 2021, p.56). Các thực hành tôn giáo pha trộn với tín ngưỡng dân gian và mê tín càng làm suy yếu vai trò trung tâm của Phật giáo trong đời sống tinh thần người Thái. Cùng lúc đó, sự hiện diện của các nhà truyền giáo phương Tây và mô hình giáo dục thế tục đã đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với vị thế truyền thống của Phật giáo. Trước sức ép cả bên trong lẫn bên ngoài, Mongkut - sau này là vua Rama IV - nhìn nhận cải cách Phật giáo là cấp thiết nhằm thanh lọc Tầng đoàn, khôi phục uy tín vương quyền và nâng cao khả năng thích ứng của xã hội Thái Lan trước những biến chuyển toàn cầu. Do đó, công cuộc cải cách của ông không chỉ mang tính tôn giáo mà còn có ý nghĩa chiến lược trong việc bảo vệ bản sắc dân tộc và duy trì sự ổn định xã hội (Suksamran, 1982, p.56).

Một trong những đóng góp nổi bật và mang ý nghĩa sâu sắc nhất của Rama IV là việc sáng lập phái Dhammayutika Nikaya (còn được gọi là Dhammayut), đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình cải cách Phật giáo tại Thái Lan. Mục tiêu chính của phái này là khôi phục việc thực hành giới luật một cách nghiêm ngặt, thúc đẩy nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ Pali, tập trung vào thực hành thiền định, đồng thời loại bỏ những nghi lễ và tập quán vốn không phù hợp hoặc xa rời giáo lý gốc của Đức Phật (Crosby, 2013, p.98). Từ đó, phái Dhammayut trở thành hình mẫu của một Tầng đoàn tinh gọn, kỷ luật và trí thức, phù hợp với định hướng xây dựng hình ảnh Phật giáo chuẩn mực của nhà nước. Mô hình này tạo nền tảng vững chắc cho việc quản lý Phật giáo thống nhất trên toàn quốc. Việc thành lập Dhammayut không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo

mà còn giúp Rama IV củng cố vị thế lãnh đạo tinh thần, thể hiện vai trò vua hộ pháp (Dhammaraja) - người bảo vệ truyền thống Phật giáo. Qua đó, ông nâng cao uy tín cá nhân và củng cố mối liên kết giữa hoàng gia và dân chúng. Trong bối cảnh đất nước đối mặt với nguy cơ mất chủ quyền, những cải cách của Rama IV đã góp phần củng cố niềm tin, tinh thần đoàn kết dân tộc và bảo vệ bản sắc văn hóa Thái Lan trong tiến trình hiện đại hóa (Baker & Phongpaichit, 2017, p.128).

Bên cạnh việc cải cách nội bộ Tăng đoàn, Rama IV khuyến khích dịch thuật kinh điển Pali sang tiếng Thái, mở rộng giáo dục và giảng dạy Phật học cho Tăng sĩ và cư sĩ, qua đó biến các tu viện thành trung tâm giáo dục cộng đồng, đồng thời hạn chế sự phụ thuộc vào các trường học do các nhà truyền giáo phương Tây lập ra. Ông cũng khuyến khích áp dụng các kiến thức khoa học phương Tây trong giới trí thức Thái Lan, đồng thời duy trì Phật giáo như cốt lõi văn hóa để chống lại sự đồng hóa văn hóa từ thực dân (Crosby, 2013, p.99). Việc Rama IV tham gia quan sát thiên văn học, dịch các bản đồ phương Tây và ứng dụng chúng trong các nghi lễ Phật giáo đã thể hiện tinh thần dung hợp giữa hiện đại hóa và bảo tồn truyền thống, đưa Phật giáo trở thành một phần của tiến trình hiện đại hóa, thay vì tách rời khỏi quá trình phát triển đất nước.

Một khía cạnh quan trọng khác trong cải cách của Rama IV là việc ông tái cấu trúc mối quan hệ giữa nhà nước và Tăng đoàn, đặt nền móng cho các cải cách pháp lý thời Rama V, dẫn đến sự ra đời của Luật Tăng đoàn năm 1902. Mặc dù trong thời kỳ Rama IV chưa có bộ luật chính thức, việc tăng cường quản lý, phân cấp hệ thống Tăng đoàn và thiết lập mối quan hệ trực tiếp giữa Tăng đoàn với hoàng gia đã hình thành cấu trúc tổ chức Phật giáo có trật tự, tạo tiền đề cho việc biến Phật giáo thành một công cụ ổn định xã hội, hỗ trợ quá trình xây dựng nhà nước tập quyền trong giai đoạn chuyển đổi từ truyền thống đến hiện đại.

Nhìn chung, thông qua các cải cách Phật giáo, Rama IV đã thành công trong việc duy trì Phật giáo như một trụ cột tinh thần, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng của xã hội Thái Lan trước các biến đổi toàn cầu, khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập, đồng thời củng cố quyền lực chính trị của hoàng gia. Vai trò của Rama IV không chỉ giới hạn trong việc cải cách nội bộ Tăng đoàn mà còn nằm ở tầm nhìn chiến lược khi sử dụng Phật giáo như một công cụ quyền lực mềm để bảo vệ độc lập dân tộc, ổn định xã hội và đồng hành cùng tiến trình hiện đại hóa đất nước, trở thành nền tảng cho các cải cách sâu rộng dưới triều đại Rama V và vương triều Chakri sau này.

3.3. Vai trò của Rama V

Sau khi Rama IV qua đời, Rama V (Chulalongkorn) lên ngôi trong bối cảnh Thái Lan đứng trước sức ép từ các cường quốc phương Tây và nhu cầu hiện đại hóa bộ máy nhà nước trở thành vấn đề sống còn. Trong tiến trình hiện đại hóa đó, Rama V nhận thức rõ tầm quan trọng của việc cải cách Phật giáo để củng cố quyền lực trung ương, đồng thời bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, vì Phật giáo đóng vai trò nền tảng trong đời sống

tin thần và cấu trúc xã hội của người Thái (Ishii, 1986, p.45). Một trong những cải cách quan trọng nhất của Rama V là việc ban hành Luật Tăng đoàn năm 1902 (Sangha Act 1902), đánh dấu lần đầu tiên Tăng đoàn Phật giáo được tổ chức tập quyền dưới sự quản lý trực tiếp của nhà nước, nhằm xóa bỏ tình trạng phân tán, thiếu kỷ luật, và giúp nhà nước kiểm soát tốt hơn đời sống tôn giáo, từ đó phục vụ tiến trình hiện đại hóa quốc gia.

Luật Tăng đoàn 1902 quy định hệ thống phân cấp trong Tăng đoàn, bao gồm vị trí Tăng Thống (Sangharaja) và các vị đứng đầu các khu vực hành chính tôn giáo, đồng thời quy định rõ về tu học, giới luật, và quản lý tài sản của các ngôi chùa. Việc thiết lập hệ thống này đã tạo nên một cấu trúc thống nhất trong Phật giáo Thái, đặt Tăng đoàn dưới sự kiểm soát của nhà nước, đồng thời biến Phật giáo trở thành công cụ hỗ trợ củng cố quyền lực trung ương, ổn định xã hội, hạn chế các yếu tố địa phương chủ nghĩa có thể thách thức quyền lực vương triều Chakri (Skillings, 2021, p.198).

Bên cạnh việc tái cấu trúc hệ thống tổ chức, Rama V còn khuyến khích nâng cao chất lượng giáo dục Phật học, yêu cầu các tu viện trở thành trung tâm giáo dục cộng đồng, đặc biệt ở vùng nông thôn, nơi hệ thống giáo dục thế tục chưa phát triển đầy đủ (Keyes, 1971, p.558). Việc giảng dạy Phật học, giáo lý và kỹ năng đọc viết trong các chùa không chỉ góp phần nâng cao dân trí mà còn duy trì mối quan hệ chặt chẽ giữa người dân với Phật giáo và nhà nước, củng cố Phật giáo như một thành tố quan trọng trong tiến trình hiện đại hóa xã hội Thái Lan.

Rama V cũng thực hiện kiểm kê tài sản của các chùa và giám sát việc sử dụng đất đai của Tăng đoàn nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng quyền lực, tránh thất thoát nguồn lực kinh tế, đồng thời tích hợp hệ thống chùa chiền vào cơ chế quản lý thống nhất của nhà nước (Wyatt, 2003, p.224). Những biện pháp này không chỉ giúp nhà nước quản lý hiệu quả hơn các nguồn lực xã hội mà còn củng cố hình ảnh vương quyền như một hộ pháp (Dhammaraja), gắn kết người dân với hoàng gia thông qua các hoạt động Phật giáo như lễ Kathina, lễ Phật Đản, lễ rước Phật Ngọc (Baker & Phongpaichit, 2017, p.172).

Đặc biệt, trong quá trình mở rộng ảnh hưởng của vương triều Chakri tới các vùng phía Bắc, Đông Bắc và miền Nam Thái Lan, nơi tồn tại nhiều hình thức thực hành Phật giáo bản địa và đa dạng về sắc tộc, việc áp dụng Luật Tăng đoàn 1902 giúp đồng nhất sinh hoạt Phật giáo, đưa các vùng này vào chung một cấu trúc quản lý Phật giáo quốc gia, qua đó củng cố sự thống nhất quốc gia và quyền lực trung ương trong tiến trình xây dựng nhà nước hiện đại (Ishii, 1986, p.87). Việc kết hợp cải cách Phật giáo với cải cách hành chính, quân sự và giáo dục đã góp phần quan trọng vào tiến trình bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia trong bối cảnh áp lực thực dân, đồng thời xây dựng hình ảnh Thái Lan như một quốc gia hiện đại, có bản sắc riêng và có khả năng thích ứng với các biến đổi toàn cầu.

Như vậy, vai trò của Rama V trong cải cách Phật giáo không chỉ dừng lại ở việc chinh đốn nội bộ Tăng đoàn, mà còn nằm ở việc sử dụng Phật giáo như một công cụ quyền lực mềm để hiện đại hóa xã hội, củng cố quyền lực trung ương, bảo vệ bản sắc

văn hóa, và duy trì ổn định chính trị - xã hội, trở thành một phần quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia dưới vương triều Chakri.

4. Vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong cải cách xã hội Thái Lan

Trong tiến trình hiện đại hóa Thái Lan dưới vương triều Chakri, đặc biệt dưới thời Rama IV và Rama V, Tăng đoàn Phật giáo (Sangha) đóng vai trò then chốt trong cải cách xã hội, trở thành công cụ mềm dẻo giúp nhà nước củng cố quyền lực, duy trì ổn định và bảo vệ bản sắc văn hóa quốc gia trước những thách thức từ thực dân phương Tây. Trước cải cách, Tăng đoàn Thái Lan có sự phân tán trong quản lý, thiếu tính kỷ luật, với sự đa dạng về thực hành và nghi lễ tại các địa phương. Rama IV nhận thức được rằng, Phật giáo là trụ cột trong xã hội Thái Lan, và nếu không hiện đại hóa, Tăng đoàn sẽ không đủ sức hỗ trợ nhà nước trong bối cảnh cạnh tranh với các cường quốc phương Tây và duy trì sự ổn định xã hội (Bunnag, 1973, p.201).

Với tinh thần cải cách mạnh mẽ, Rama IV tiến hành đổi mới toàn diện Phật giáo Thái Lan thông qua nhiều biện pháp trọng yếu. Ông khuyến khích nghiên cứu và học tập kinh điển Pali, đồng thời sáng lập dòng Thammayut nhằm khôi phục tính chính thống và thuần khiết của truyền thống Theravada. Song song đó, Rama IV thiết lập cơ chế giám sát và quản lý Tăng đoàn, qua đó nâng cao trình độ học thuật, kỷ luật và đạo hạnh của chư tăng, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Phật giáo Thái Lan trong thời kỳ hiện đại hóa (Swearer, 1995, p.54). Việc thành lập dòng Thammayut không chỉ dừng lại ở lĩnh vực tôn giáo mà còn mang đến nhiều giá trị ý nghĩa trong xã hội. Các vị sư thuộc dòng Thammayut được yêu cầu duy trì nghiêm ngặt giới luật, sống thanh tịnh, chuẩn mực, và không chỉ là những người gìn giữ đạo lý mà còn trở thành hình mẫu đạo đức cho toàn xã hội. Nhờ vậy, dòng Thammayut đã góp phần tích cực trong việc khôi phục các giá trị luân lý đang suy giảm trong cộng đồng, vốn chịu ảnh hưởng từ những biến động xã hội và sự thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế. Từ đó, tầm ảnh hưởng của dòng Thammayut không chỉ giới hạn trong giới Phật giáo mà còn lan tỏa mạnh mẽ đến đời sống tinh thần và văn hóa xã hội thời kỳ đó.

Vào thời kỳ trị vì của Rama V, Tăng đoàn tiếp tục đóng vai trò thiết yếu như một công cụ chiến lược trong việc thực hiện các cải cách xã hội nhằm xây dựng một nhà nước hiện đại, đồng thời duy trì sự ổn định và trật tự trong cộng đồng. Đáng chú ý, sự ra đời của Luật Tăng đoàn năm 1902 (Sangha Act 1902) đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi thống nhất Tăng đoàn trên phạm vi cả nước dưới một hệ thống tập quyền, đưa tổ chức này vào sự giám sát trực tiếp của nhà nước. Bộ luật này đặt nền móng pháp lý cụ thể, quy định chi tiết về các vấn đề liên quan đến quản lý tài sản, điều hành nội bộ và đào tạo các tăng sĩ, tạo ra một cơ cấu vận hành bài bản và có tổ chức (Wyatt, 2003, p.232). Không chỉ dừng lại ở việc tái định hình nội bộ của Tăng đoàn, bộ luật này còn biến tổ chức Phật giáo trở thành một công cụ quyền lực mềm quan trọng. Thông qua việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo và hoạt động cộng đồng, Tăng đoàn đã góp phần hiệu

quả trong việc truyền bá các chính sách của nhà nước, đồng thời củng cố sự gắn kết và lòng trung thành của người dân đối với nhà vua cũng như chế độ hoàng gia.

Một vai trò quan trọng của Tăng đoàn trong cải cách xã hội thời kỳ này là tham gia vào giáo dục cộng đồng. Trong bối cảnh hệ thống giáo dục thế tục mới hình thành, chùa chiền tiếp tục là trung tâm giáo dục cơ bản, nơi dạy chữ, dạy đạo đức và truyền bá các giá trị xã hội cho trẻ em và người dân địa phương. Chính phủ tận dụng các chùa làm trường học nhằm mở rộng giáo dục mà không cần đầu tư cơ sở hạ tầng mới, đồng thời nhờ sự tham gia của tăng sĩ, các giá trị đạo đức, lòng trung thành với nhà vua và ý thức cộng đồng được củng cố, hỗ trợ tiến trình hiện đại hóa xã hội (Crosby, 2013, p.96). Theo Cook (2010), vai trò giáo dục của Tăng đoàn đã tạo ra một tầng lớp dân chúng có trình độ đọc viết cơ bản, dễ tiếp nhận cải cách hành chính, pháp luật và các chuẩn mực xã hội mới (Cook, 2010, p.181).

Bên cạnh giáo dục, Tăng đoàn còn tham gia vào hoạt động từ thiện xã hội, cứu trợ thiên tai, chăm sóc người nghèo và bệnh tật, trở thành một hệ thống phúc lợi cộng đồng trước khi nhà nước xây dựng được hệ thống an sinh xã hội hiện đại (Prachuabmoh & Dixon, 2007, p.273). Việc này không chỉ giúp ổn định xã hội mà còn làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa người dân với Phật giáo và hoàng gia, khi các hoạt động từ thiện thường gắn với các nghi lễ hoàng gia, củng cố tính chính danh của nhà vua với tư cách là hộ pháp (Dhammaraja) (Tambiah, 1976, p.230).

Tăng đoàn cũng có vai trò duy trì bản sắc văn hóa Thái Lan thông qua các lễ hội Phật giáo như Kathina, Visakha Bucha, các lễ rước Phật Ngọc, đóng góp vào việc duy trì ý thức cộng đồng, tạo không gian sinh hoạt văn hóa chung, từ đó giảm thiểu xung đột xã hội trong quá trình hiện đại hóa (Skilling, 2021, p.201). Ngoài ra, các nhà sư đóng vai trò trung gian trong việc hòa giải tranh chấp ở cộng đồng, góp phần ổn định xã hội, giảm gánh nặng cho hệ thống pháp luật mới được thiết lập (Ishii, 1986, p.89).

Trong mối quan hệ giữa nhà nước và Tăng đoàn, các vị tu sĩ, đặc biệt là những người sở hữu học vấn cao và có vị thế đáng kể trong xã hội, đã trở thành một lực lượng mà nhà nước khéo léo khai thác. Họ không chỉ được giao phó vai trò tham gia vào các cuộc thương lượng mang tính chiến lược với những thế lực địa phương, mà còn đóng góp vào việc củng cố sự hiện diện của chính quyền tại các khu vực hẻo lánh - những nơi mà ảnh hưởng nhà nước còn mờ nhạt. Đồng thời, thông qua các hoạt động của Tăng đoàn, Phật giáo ở mọi miền đất nước có cơ hội được liên kết và thống nhất về mặt thực hành tôn giáo, tạo nền tảng củng cố sự gắn kết quốc gia dựa trên yếu tố văn hóa tâm linh chung (Bowie, 2017, p.63). Bên cạnh những đóng góp về mặt ổn định chính trị và tôn giáo, Tăng đoàn còn đóng vai trò không nhỏ trong quá trình truyền tải các cải cách xã hội quan trọng. Thông qua những bài giảng mang giá trị giáo lý sâu sắc được các tăng sĩ trình bày, những cải cách như việc dỡ bỏ chế độ nô lệ, tái cấu trúc đất đai hay điều chỉnh hệ thống thuế dần được truyền bá đến dân chúng một cách gián tiếp nhưng đầy hiệu quả. Nhờ hình thức tiếp cận mềm mỏng này, người dân dễ dàng tiếp nhận những thay đổi vốn

tiềm tàng sự lo ngại và bất an, đặc biệt trong một bối cảnh xã hội thường xuyên bị chi phối bởi sự e dè trước các cải cách sâu rộng.

Như vậy, trong giai đoạn cải cách xã hội dưới triều đại Rama IV và Rama V tại Thái Lan, Tăng đoàn Phật giáo không chỉ phát huy vai trò truyền thống của mình như một tổ chức tôn giáo mà còn vươn lên trở thành lực lượng quan trọng trong tiến trình cải cách xã hội toàn diện. Họ đã phối hợp chặt chẽ với nhà nước để đẩy mạnh hiện đại hóa giáo dục, góp phần nâng cao dân trí và tạo nền móng cho những lý tưởng mới phù hợp với thời kỳ đổi mới. Đồng thời, Tăng đoàn còn tham gia duy trì trật tự xã hội, củng cố giá trị văn hóa và bảo vệ bản sắc dân tộc trong bối cảnh đất nước tiếp xúc mạnh mẽ với ảnh hưởng phương Tây. Bằng cách này, họ vừa là người bảo vệ các giá trị truyền thống, vừa là công cụ giúp vương triều Chakri củng cố quyền lực trong giai đoạn chuyển mình lịch sử. Đây cũng chính là minh chứng rõ nét cho sự liên kết đặc thù giữa Phật giáo và nhà nước Thái Lan, thể hiện sự khéo léo trong việc sử dụng tôn giáo như một nguồn “quyền lực mềm” để thúc đẩy hiện đại hóa, điều này không chỉ nổi bật ở Thái Lan mà còn phản ánh xu hướng chung tại các quốc gia Đông Nam Á thời kỳ ấy.

5. Đánh giá về vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong cải cách xã hội Thái Lan dưới vương triều Rama IV và Rama V

Khi nhìn lại quá trình hiện đại hóa Thái Lan, không thể bỏ qua vai trò đặc biệt của Tăng đoàn Phật giáo trong việc hỗ trợ và thúc đẩy cải cách xã hội một cách mềm dẻo nhưng hiệu quả. Tăng đoàn không chỉ là một thiết chế tôn giáo duy trì tín ngưỡng, mà còn đóng vai trò là một trụ cột xã hội giúp kết nối cộng đồng với nhà nước trong những giai đoạn đất nước cần sự ổn định để thực hiện các chính sách cải cách. Trong bối cảnh Thái Lan đối diện với áp lực từ phương Tây, nhu cầu đổi mới từ nội tại và sự dịch chuyển cấu trúc xã hội, Tăng đoàn đã trở thành kênh truyền tải các giá trị đạo đức, luân lý đến người dân, giúp họ thích nghi với các quy định và thay đổi xã hội mới một cách ít xung đột hơn.

Chức năng giáo dục của Tăng đoàn trở thành yếu tố trọng yếu trong tiến trình cải cách xã hội Thái Lan. Các ngôi chùa được nâng tầm thành trung tâm truyền dạy tri thức, đạo đức và kỹ năng sống, đặc biệt dành cho tầng lớp bình dân - những người ít cơ hội tiếp cận giáo dục chính quy. Trong bối cảnh nhà nước chưa thiết lập hệ thống giáo dục phổ cập, Tăng đoàn đã đảm nhận vai trò giáo dục cộng đồng, trang bị cho người dân kiến thức cần thiết để thích ứng với các cải cách về hành chính, thuế khóa và pháp luật. Qua đó, chư tăng không chỉ truyền đạt tri thức mà còn bồi dưỡng năng lực nhận thức, tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp lý, góp phần hình thành một thể hệ công dân chủ động, gắn kết cộng đồng. Sự đồng thuận xã hội hình thành từ quá trình này đã trở thành nền tảng ổn định cho tiến trình hiện đại hóa và phát triển bền vững của Thái Lan.

Bên cạnh chức năng giáo dục, Tăng đoàn còn đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai nhiều hoạt động phúc lợi xã hội, bao gồm hỗ trợ người nghèo, chăm sóc người

bệnh, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn và duy trì các nghi lễ cộng đồng. Những hoạt động này không chỉ vun đắp tinh đoàn kết giữa người dân mà còn làm sâu sắc thêm mối liên kết giữa cộng đồng và chính quyền, góp phần giảm áp lực về phúc lợi xã hội trong giai đoạn chuyển đổi. Đồng thời, Tăng đoàn cũng đảm nhận vai trò như một cơ chế hòa giải mềm, giúp xử lý các mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong cộng đồng, qua đó tạo nền tảng ổn định xã hội khi hệ thống pháp luật hiện đại vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Sự gắn kết giữa Tăng đoàn và vương triều không chỉ củng cố tính chính danh của hoàng gia mà còn tạo dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho quốc gia trong giai đoạn biến động. Nhà vua được tôn vinh như minh quân hộ pháp, trong khi Phật giáo trở thành hệ giá trị định hướng đạo đức và bản sắc dân tộc. Sự hợp tác giữa nhà nước và Tăng đoàn trong các cải cách chiến lược, như tái cơ cấu quản lý và thống nhất thực hành Phật giáo, thể hiện phương thức hiện đại hóa mềm dẻo, kết hợp đổi mới với bảo tồn truyền thống. Đây cũng là minh chứng cho năng lực thích ứng linh hoạt của Thái Lan khi chuyển hóa giá trị tôn giáo thành công cụ phát triển xã hội và chính trị. Tuy nhiên, sự tập trung hóa quyền lực Tăng đoàn đã làm giảm tính đa dạng tôn giáo ở địa phương, và mối liên hệ quá chặt với nhà nước đôi khi khiến Tăng đoàn gặp khó khăn trong việc duy trì tính độc lập tôn giáo. Khi hệ thống giáo dục hiện đại phát triển, vai trò giáo dục của Tăng đoàn suy giảm, buộc họ phải tái xác định vị thế trong xã hội đương đại.

Nhìn chung, Tăng đoàn không chỉ thực hiện chức năng tôn giáo mà còn đóng góp vào ổn định xã hội và củng cố bản sắc dân tộc, giúp Thái Lan dung hòa giữa hiện đại hóa và truyền thống. Vai trò này minh chứng cho khả năng thích ứng của Phật giáo trước chuyển biến thời đại và khẳng định vị thế của Tăng đoàn như một lực lượng xã hội chủ chốt trong tiến trình phát triển quốc gia.

6. Kết luận

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy tiến trình cải cách xã hội Thái Lan không thể tách rời vai trò của Tăng đoàn Phật giáo, một thiết chế vừa mang tính tôn giáo vừa đảm nhiệm các chức năng xã hội, giáo dục và văn hóa trong giai đoạn đất nước chuyển mình sang hiện đại. Trong bối cảnh các cải cách hành chính, thuế khóa, luật pháp được triển khai, Tăng đoàn đã trở thành cầu nối giữa nhà nước và dân chúng, thông qua mạng lưới chùa chiền và các hoạt động giảng dạy đạo đức, truyền bá kiến thức nền tảng, qua đó góp phần hình thành tầng lớp dân cư có nhận thức cộng đồng và khả năng thích ứng với những thay đổi.

Không chỉ dừng lại ở chức năng giáo dục, Tăng đoàn còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì không gian sinh hoạt cộng đồng, thực hiện các hoạt động cứu trợ xã hội, qua đó giúp giảm nhẹ áp lực cho nhà nước khi nền hành chính hiện đại còn đang trong quá trình hoàn thiện. Các nghi lễ, lễ hội Phật giáo do Tăng đoàn đảm trách đã trở thành chất keo gắn kết các cộng đồng địa phương, đồng thời khẳng định sự hiện diện của các giá trị văn hóa bản địa trong bối cảnh Thái Lan đứng trước sức ép hội nhập và giao lưu với phương Tây. Trong tiến trình đó, sự phối hợp giữa Tăng đoàn với vương

triều không chỉ củng cố tính chính danh cho nhà vua, mà còn đảm bảo Phật giáo tiếp tục giữ vị thế là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các cải cách xã hội được thực thi một cách mềm dẻo và giảm thiểu xung đột.

Tuy vậy, vai trò của Tăng đoàn trong cải cách xã hội Thái Lan cũng đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, như sự suy giảm tính đa dạng địa phương khi quản lý Tăng đoàn được tập trung hóa, cũng như thách thức về vị trí và ảnh hưởng của Tăng đoàn trong bối cảnh hệ thống giáo dục hiện đại mở rộng. Tuy nhiên, có thể khẳng định, Tăng đoàn đã đóng góp tích cực vào quá trình hiện đại hóa xã hội Thái Lan, đồng thời minh chứng cho khả năng kết hợp giữa giá trị truyền thống và nhu cầu đổi mới, từ đó gợi mở hướng tiếp cận phát triển xã hội bền vững dựa trên việc phát huy các nền tảng văn hóa bản địa.

Ghi chú

Nghiên cứu này được thực hiện với sự tài trợ của Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Huế trong khuôn khổ nhiệm vụ mã số T25 - NV.601.06 (năm 2025).

Tài liệu tham khảo

1. Baker, C., & Phongpaichit, P. (2014). *A history of Thailand (3rd ed.)*. Cambridge University Press.
2. Baker, C., & Phongpaichit, P. (2017). *A history of Ayutthaya: Siam in the early modern world*. Cambridge University Press.
3. Bowie, K. (2017). *Of beggars and Buddha: The politics of humor in the Vessantara Jataka in Thailand*. University of Wisconsin.
4. Bunnag, J. (1973). *Buddhism and society in Thailand*. Cambridge University Press.
5. Cook, N. (2010). *Thailand: The politics of despotic paternalism*. Cornell University Press.
6. Crosby, K. (2013). *Theravada Buddhism: Continuity, diversity, and identity*. Wiley-Blackwell.
7. Ishii, Y. (1986). *Sangha, State, and Society: Thai Buddhism in History*. University of Hawaii Press.
8. Keyes, C. F. (1971). Buddhism and national integration in Thailand. *The Journal of Asian Studies*, 30(3), 551-567.
9. Reynolds, C. J. (2005). Buddhist cosmography in Thai history, with special reference to nineteenth-century culture change. *Journal of Southeast Asian Studies*, 36(1), 21-46.
10. Skilling, P. (2021). *Buddhism and political power in Southeast Asia*. University of Hawaii Press.

11. Suksamran, S. (1982). *Buddhism and politics in Thailand: A study of socio-political change and political activism of the Thai Sangha*. Gaya Research Society.
12. Swearer, D. K. (1995). *The Buddhist world of Southeast Asia*. State University of New York Press.
13. Tambiah, S. J. (1976). *World conqueror and world renouncer: A study of Buddhism and polity in Thailand against a historical background*. Cambridge University Press.
14. Wyatt, D. K. (2003). *Thailand: A short history (2nd ed.)*. Yale University Press.